Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 35

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ YÊN KỲ

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 70B	Giáp địa giới xã Bằng Luân	Giáp khu 3 Hương Xạ	4.200	2.300	1.700	1.700	900	700	1.300	700	500
2		Hết khu 3 Hương Xạ (giáp khu 3 Phương Viên)	Cây xăng Đức Thọ (khu 5 Phương Viên)	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
3		Giáp cây xăng Đức Thọ (khu 5 Phương Viên)	Giáp xã Hạ Hòa (khu 3 xã Ấm Hạ cũ)	4.800	2.600	1.900	1.900	1.100	800	1.400	800	600
4	Đường tỉnh 314	Giáp địa giới xã Thanh Ba	Cây xăng Hương Xạ	3.600	2.000	1.400	1.400	800	600	1.100	600	400
5		Cây xăng Hương Xạ	Cầu Cáo Điền khu 14 Yên Kỳ	4.200	2.300	1.700	1.700	900	700	1.300	700	500
6		Cầu Cáo Điền khu 14 Yên Kỳ	Hết khu 14 Yên Kỳ	3.600	2.000	1.400	1.400	800	600	1.100	600	400
7		Hết khu 14 Yên Kỳ	Ngã tư khu 3 Hương Xạ nối QL70B	2.400	1.300	1.000	1.000	500	400	700	400	300
8		Ngã ba Cây xăng Yên Kỳ	Cầu mới khu 5, Yên Kỳ	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
9	Đường tỉnh 320D	Ngã ba khu 9, xã Yên Kỳ	Ngã ba khu 5 (giáp nhà máy chè Trung Hiếu)	2.100	1.160	840	840	460	340	630	350	250
10		Ngã ba khu 5 Hương Xạ	Ngã ba khu 5 Phương Viên tiếp nối QL 70B	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
11	Đường liên xã	Ngã ba Đát khu 12 Yên Kỳ	Hết địa giới khu 1 Phương Viên (giáp xã Hạ Hòa)	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
12		Ngã ba tiếp nối QL 70B (khu 5 Phương Viên)	Hết khu 2 Phương Viên giáp xã Hạ Hòa	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
13		Ngã ba Cáo Điền khu 14 xã Yên Kỳ	Hết khu 12 xã Yên Kỳ giáp xã Tây Cốc	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
14		Ngã ba khu 9, xã Yên Kỳ giáp xã Vĩnh Chân	Ngã ba khu 6 Yên Kỳ nối với TL 314	2.100	1.200	800	800	500	300	600	300	250
15		Ngã 3 cầu Chính Công, khu 10 Yên Kỳ	Hết địa giới khu 11 xã Yên Kỳ (giáp xã Thanh Ba)	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
16		Ngã 3 khu 5 Yên Kỳ	Cầu Bến Bưởi khu 4 Yên Kỳ	2.400	1.300	1.000	1.000	500	400	700	400	300
17		Cầu Bến Bưởi khu 4 Yên Kỳ	Hết địa giới khu 2 xã Yên Kỳ giáp xã Tây Cốc	1.000	600	400	400	250	200	300	200	100
18		Ngã ba (giáp nhà văn hóa khu 2 xã Yên Kỳ)	Hết địa giới khu 1 xã Yên Kỳ (giáp xã Thanh Ba)	1.000	600	400	400	250	200	300	200	100

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
19	Các tuyến đường khác	Giáp xã Hạ Hòa	Ngã ba đường TL 320D khu 2 Hương Xạ, xã Yên Kỳ	1.200	700	500	500	300	200	400	200	100
20		Đoạn đường liên xã còn lại		1.000	600	400	400	250	200	300	200	100
21		Đoạn đường liên thôn xóm		800	440	320	320	180	130	240	130	100
22		Nhà ông Hải Hợp khu 6 xã Phương Viên, xã Yên Kỳ	Giáp đội 16, xã Bằng Luân	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
23		Cây đa ông Hòe khu 6 Phương Viên (cũ)	Giáp khu 1 Cáo Điền, xã Yên Kỳ	2.100	1.160	840	840	460	340	630	350	250
24		Ngã ba Trường tiểu học và Trung học cơ sở Phương Viên	Nhà bà Phú Lạc khu 2 Phương Viên, xã Yên Kỳ	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
25		Nhà ông Tâm Oánh khu 14 Yên Kỳ	Cầu Giữa khu 14 Yên Kỳ	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
26		Nhà ông Yến Đắc khu 14 Yên Kỳ	Nhà ông Thành Vinh khu 14 Yên Kỳ	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
*	**Khu đấu giá, tái định cư**											
27	Đấu giá QSD khu 4 Hương Xạ, xã Yên Kỳ			7.200			2.900			2.200		
28	Đấu giá QSD khu 3 Phương Viên, xã Yên Kỳ			6.000			2.000			1.500		
29	Tái định cư đường sắt khu đồng vàng, khu 5 Hương Xạ cũ			2.200			900			600		
30	Tái định cư đường sắt khu đồng thiều, khu 2 Hương Xạ cũ			1.200			500			400		
31	Tái định cư đường sắt khu đất đỏ, khu 7 Hương Xạ cũ			2.200			900			600		
32	Tái định cư đường sắt sứ chôi bềnh, khu 7 Yên Kỳ			2.900			1.200			900		
33	Tái định cư cụm công nghiệp Ấm Hạ, khu 2 Phương Viên			2.200			900			600		

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
34	Hạ tầng đấu giá QSĐ đất tại khu 5, khu 7 xã Hương Xạ, huyện Hạ Hòa	Băng 1		2.100			800			600		
35		Băng 2		1.800			700			500		
36	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			500			200			150		